

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

*Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính 2017 kết thúc tại ngày 31/12/2017  
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI**

326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

---

**MỤC LỤC**

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 - 49



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc tại ngày 31/12/2017.

### CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015; lần thứ 27 ngày 02/10/2015; và lần thứ 28 ngày 27/10/2017.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017 là

**2.419.338.530.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mạtít; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

#### 4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:

- + Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát
- + Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp
- + Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc
- + Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế
- + Công ty CP Du Lịch An Giang
- + Công ty CP Nhựt Hồng
- + Công ty TNHH Sao Mai Super Feed
- + Công ty TNHH TM Sao Mai Solar

Công ty liên doanh, liên kết

- + Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Tp.HCM
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc tế Sao Mai
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Cà Mau
- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc
- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng này Công ty có các sự kiện phát sinh sau ngày 31/12/2017 như sau:

Nội dung sự kiện:

- Vào ngày 02/02/2018, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai đã thông qua nghị quyết chuyển nhượng toàn bộ 6.039.000 cổ phần sở hữu tại Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc.
- Vào ngày 29/03/2018, Công ty đã sở hữu 50,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia và Công ty này đã chính thức trở thành Công ty con của Công ty.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông:	Lê Văn Chung	Thành viên
Ông:	Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông:	Lê Văn Thủy	Thành viên
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông:	Lê Văn Lâm	Thành viên
Bà:	Võ Thị Hồng Tâm	Thành viên
Bà:	Lê Thị Nguyệt Thu	Thành viên



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuần	Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Lê Thị Nguyệt Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Lê Thị Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Trương Công Khánh	Giám Đốc Tài Chính <i>Bổ nhiệm ngày 05/07/2017)</i>

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Trương Công Khánh	Trưởng ban	<i>(Đã xin từ nhiệm theo thông báo ngày 06/07/2017)</i>
Bà:	Lê Thị Tính	Ủy viên	
Ông:	Lê Thanh Hành	Ủy viên	

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Thanh Thuần

Kế toán trưởng:

Ông: Trương Công Khánh  
Ông: Nguyễn Hoàng Sang

*Bổ nhiệm ngày 05/07/2017*

*Miễn nhiệm ngày 05/07/2017*

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc tại ngày 31/12/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2017 kết thúc tại ngày 31/12/2017 của Công ty.

Long Xuyên, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Thay mặt Ban Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc



LÊ THỊ PHƯỢNG

Số : 358./BCKT/TC/2018/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
của Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được lập ngày 24 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)  
Phó Tổng giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 00479-2018-142-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

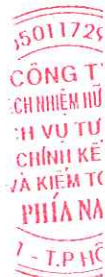
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1091-2018-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		3.484.978.529.488	3.145.299.377.162
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.01	236.882.662.193	205.094.795.946
111	1. Tiền		70.901.659.533	45.994.795.946
112	2. Các khoản tương đương tiền		165.981.002.660	159.100.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	V.02	249.039.724.107	372.139.724.107
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		249.039.724.107	372.139.724.107
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		1.774.425.737.095	1.341.778.648.768
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	441.598.118.426	351.568.648.030
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.061.739.969.077	840.897.111.408
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	271.087.649.592	149.312.889.330
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.05	1.218.036.194.954	1.220.076.327.550
141	1. Hàng tồn kho		1.218.036.194.954	1.220.076.327.550
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	V.14	6.594.211.139	6.209.880.791
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.824.374.505	3.296.660.589
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.769.836.634	2.913.220.202
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.758.346.586.494</b>	<b>1.501.851.318.031</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.640.127.000</b>	<b>10.000.000</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	3. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác		3.640.127.000	10.000.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>80.012.741.546</b>	<b>67.097.131.919</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	39.505.745.624	38.822.346.997
222	- Nguyên giá		52.135.309.954	50.325.194.516
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(12.629.564.330)	(11.502.847.519)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.08	12.232.211.000	
225	- Nguyên giá		12.232.211.000	
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.09	28.274.784.922	28.274.784.922
228	- Nguyên giá		28.274.784.922	28.274.784.922
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.10	<b>138.759.225.722</b>	<b>125.030.620.497</b>
231	- Nguyên giá		167.967.168.687	150.656.384.255
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(29.207.942.965)	(25.625.763.758)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	V.06	<b>3.683.548.342</b>	<b>3.683.548.342</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.683.548.342	3.683.548.342
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.02	<b>1.459.334.234.631</b>	<b>1.291.365.583.197</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		753.690.409.800	560.070.719.800
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		693.608.460.000	693.608.460.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.660.000.000	40.060.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(18.734.635.169)	(7.483.596.603)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.110.000.000	5.110.000.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>72.916.709.253</b>	<b>14.664.434.076</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	72.916.709.253	14.664.434.076
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.243.325.115.982</b>	<b>4.647.150.695.193</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.540.342.016.952</b>	<b>2.123.378.902.852</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.038.681.525.727</b>	<b>1.601.420.596.494</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	301.592.773.879	205.353.294.657
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		870.355.659.738	672.265.922.110
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	68.787.059.481	70.699.409.919
314	4. Phải trả người lao động		1.015.546.600	272.490.900
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.16	49.211.783.569	40.945.675.418
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	61.320.381.064	82.130.353.866
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	671.777.373.907	518.077.874.801
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		14.620.947.489	11.675.574.823
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>501.660.491.225</b>	<b>521.958.306.358</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.15		500.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	501.660.491.225	521.458.306.358
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	V.17	<b>2.702.983.099.030</b>	<b>2.523.771.792.341</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.702.983.099.030	2.523.771.792.341
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.419.338.530.000	2.199.398.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.419.338.530.000	2.199.398.670.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.056.200.000	45.056.200.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		48.162.734.708	35.601.244.042
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.971.647.795	4.971.647.795
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		185.453.986.527	238.744.030.504
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.102.307.172	73.741.830.787
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		182.351.679.355	165.002.199.717
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.243.325.115.982</b>	<b>4.647.150.695.193</b>

305011729  
CÔNG TY  
TẬP ĐOÀN SAO MAI  
CHỨC VỤ TỰ  
KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
T.P. HỒ

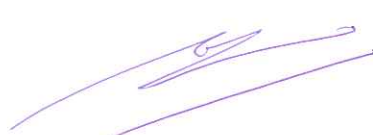
Long Xuyên, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ TÔ NGÂN

TRƯƠNG CÔNG KHÁNH



LÊ THỊ PHƯƠNG

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	1.947.925.572.912	1.460.426.918.742
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	64.148.948.744	129.708.154.836
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch		1.883.776.624.168	1.330.718.763.906
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	1.671.777.252.169	987.690.802.761
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		211.999.371.999	343.027.961.145
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	159.235.329.179	8.033.874.730
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	75.791.150.361	46.581.291.169
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		59.883.644.074	42.106.794.983
24	8. Chi phí bán hàng	VI.06	27.107.405.942	25.666.923.577
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	71.137.398.123	61.872.295.716
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		197.198.746.752	216.941.325.413
31	11. Thu nhập khác	VI.07	4.365.069.110	3.188.673.987
32	12. Chi phí khác	VI.08	299.878.730	4.789.549.258
40	13. Lợi nhuận khác		4.065.190.380	(1.600.875.271)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		201.263.937.132	215.340.450.142
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	18.912.257.777	50.338.250.425
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>182.351.679.355</b>	<b>165.002.199.717</b>

Long Xuyên, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

NGÔ THỊ TÓ NGÂN

TRƯƠNG CÔNG KHÁNH

LÊ THỊ PHƯƠNG



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		201.263.937.132	215.340.450.142
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		7.725.847.397	6.236.231.206
03	2. Các khoản dự phòng		(11.251.038.566)	2.547.249.056
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.282.801)	(31.362.078)
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(153.150.559.218)	(6.552.241.644)
06	5. Chi phí lãi vay		59.883.644.074	42.106.794.983
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		104.466.548.018	259.647.121.665
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(436.661.545.675)	161.065.773.788
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.040.132.596	(238.283.059.671)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		293.170.232.799	592.751.621.521
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(58.252.275.177)	(3.458.695.574)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(59.883.644.074)	(42.106.794.983)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(25.264.000.000)	(11.201.293.109)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(180.384.551.513)	718.414.673.637
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(60.120.766.817)	(39.457.007.553)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		225.234.909	321.489.266
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6.881.002.660)	(372.139.724.107)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		123.100.000.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(25.627.950.000)	(639.828.500.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		114.386.163.599	6.552.241.644
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		145.081.679.031	(1.044.551.500.750)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		1.824.951.253.962	1.322.756.717.486
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.752.526.875.684)	(1.262.005.588.633)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(5.338.922.350)	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		67.085.455.928	60.751.128.853
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		31.782.583.446	(265.385.698.260)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		205.094.795.946	470.480.211.671
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.282.801	282.535
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		236.882.662.193	205.094.795.946

Long Xuyên, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





NGÔ THỊ TỐ NGÂN

TRƯƠNG CÔNG KHÁNH

LÊ THỊ PHƯỢNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015; lần thứ 27 ngày 02/10/2015; và lần thứ 28 ngày 27/10/2017.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017 là: **2.419.338.530.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mạtit; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bom, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng :

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
+ Công ty TNHH Dững Thịnh Phát	09 Nguyễn Kim, P12, Q5, TP.HCM	66,00%	66,00%
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	06 Đỗ Công Tường, P2, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp	81,36%	81,36%
+ Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc	81 Hùng Vương, TT Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang	99,00%	99,00%
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	63,94%	63,94%
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Số 17 Nguyễn Văn Cung, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang	67,09%	67,09%

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

+ Công ty CP Nhựt Hồng	Tòa nhà VCCI, tầng 4, số 12 Hòa Bình, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	60,00%	60,00%
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	CCN Vàm Cống, Ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	100,00%	100,00%
+ Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	100,00%	100,00%

### - Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ nắm giữ
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	QL80 CCN Vàm Cống, Lấp Vò, Đồng Tháp	39,29%	39,29%

### - Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Tp.HCM	Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai	Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp	Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc tế Sao Mai	Số 325/1 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang
+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc	Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội.

## II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

### 2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

### IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

##### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

##### b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng .

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng . Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng ;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

##### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

##### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### + Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

#### + Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### + Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

### Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phát sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

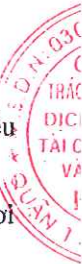
### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

**Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:**

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

11/20  
CÔNG TY  
SIÊU HỮU  
VU TỰ  
NH KẾT  
HỆM TOÁ  
IA NAM  
PHỐC

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

### Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

### Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

### Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chi được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

### - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### - Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### - Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### - Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### - Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng ;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng .

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

### Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### Công cụ tài chính

#### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

### b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	21.644.144.213	24.483.509.446
- VND	21.644.144.213	24.483.509.446
- USD		
Tiền gửi không kỳ hạn	49.257.515.320	21.511.286.500
Tiền đang chuyển		
Các khoảng tương đương tiền	165.981.002.660	159.100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (VND)	165.981.002.660	159.100.000.000
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		
<b>Cộng</b>	<b>236.882.662.193</b>	<b>205.094.795.946</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

### 02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh  
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	Giá gốc	Giá gốc
b1) Ngắn hạn	249.039.724.107	372.139.724.107
- <i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	249.039.724.107	372.139.724.107
b2) Dài hạn	5.110.000.000	5.110.000.000
- <i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	5.110.000.000	5.110.000.000
<b>Cộng</b>	<b>254.149.724.107</b>	<b>377.249.724.107</b>

### c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017	01/01/2017
	Giá gốc	Giá gốc
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>753.690.409.800</b>	<b>560.070.719.800</b>
+ Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát (*)	33.000.000.000	33.000.000.000
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp (*)	45.391.109.800	45.391.109.800
+ Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc (*)	335.073.000.000	335.073.000.000
+ Công ty CP ĐT TC & Truyền Thông Quốc Tế (*)	11.510.000.000	11.510.000.000
+ Công ty CP Du Lịch An Giang (*)	135.096.610.000	135.096.610.000
+ Công ty CP Nhứt Hồng (*)	167.991.740.000	(11.840.736.855)
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed (*)	19.489.500.000	
+ Công ty TNHH TM Sao Mai Solar (*)	6.138.450.000	
<b>Đầu tư Công ty liên doanh liên kết</b>	<b>693.608.460.000</b>	<b>693.608.460.000</b>
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	693.608.460.000	693.608.460.000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>25.660.000.000</b>	<b>40.060.000.000</b>
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính (*)	8.660.000.000	8.060.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Công ty CP Nhứt Hồng (*)		15.000.000.000
+ Công ty CP Bóng Đá Đồng Tháp (*)		2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.472.958.869.800</b>	<b>1.293.739.179.800</b>
<b>Ghi chú:</b>		
		<b>326.156.686.020</b>
		<b>(5.452.470.093)</b>
		<b>(1.378.818.694)</b>
		<b>(4.073.651.399)</b>
		<b>(2.031.126.510)</b>
		<b>(31.126.510)</b>
		<b>(2.000.000.000)</b>
		<b>(7.483.596.603)</b>

(\*) Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt hoạt động của các công ty con trong kỳ:

- Công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
+ Công ty TNHH Dững Thịnh Phát	66,00%	66,00%	219.188	68.542.143
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	81,36%	81,36%	851.943.879	851.943.879
+ Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc	99,00%	99%	16.727.398	(1.376.018.758)
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	63,9%	63,9%	58.212.528	(6.312.349.728)
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	67,09%	67,09%	(20.232.762.853)	(44.225.988.601)
+ Công ty CP Nhựt Hồng	60,00%	60,00%	4.660.380	355.674.189
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	100,00%	100,00%	2.695.562	3.895.562
+ Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	100,00%	100,00%	5.335.760	5.335.760

Các giao dịch chủ yếu giữa doanh nghiệp với công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ  
Xem chi tiết thuyết minh VIII.03

### 03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

#### a) Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
+ Công ty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	12.907.982.000	5.488.528.979
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư tài chính	5.379.136.000	16.881.856.000
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	6.974.620.468	10.195.275.800
+ Công ty CP SATRA Thái Sơn	416.336.379.958	6.974.620.468
+ Khách hàng khác	312.028.366.783	416.336.379.958

#### b) Dài hạn

Cộng

441.598.118.426	351.568.648.030
-----------------	-----------------

#### c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
+ Công ty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Công ty liên kết	12.907.982.000	5.488.528.979
+ Công ty CP Đầu tư DL và Phát triển Thủy sản	Đầu tư dài hạn khác	9.980.000	86.528.185
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư tài chính	Công ty con	5.379.136.000	16.881.856.000
+ Công ty CP ĐT TC & Truyền Thông Quốc Tế	Đầu tư dài hạn khác	10.195.275.800	10.195.275.800

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

**04 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	271.087.649.592		149.312.889.330	
Tạm ứng	114.435.335.508		92.288.033.426	
Ký cược, ký quỹ	568.000.000		568.000.000	
Phải thu khác	156.084.314.084		56.456.855.904	
b) Dài hạn	3.640.127.000		10.000.000	
Ký cược, ký quỹ	3.640.127.000		10.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>274.727.776.592</b>		<b>149.322.889.330</b>	

**05 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường			41.830.864.417	
- Nguyên liệu, vật liệu	72.590.417.059			
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	287.811.210.703		174.743.579.468	
- Thành phẩm	6.195.445.136			
- Hàng hóa	851.422.385.167		1.003.485.142.873	
- Hàng gửi đi bán	16.736.889		16.740.792	
<b>Cộng</b>	<b>1.218.036.194.954</b>		<b>1.220.076.327.550</b>	

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 397.082.036.261 đồng.

**06 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

- a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn
- b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
Mua sắm		
Xây dựng cơ bản	3.683.548.342	3.683.548.342
- Đường GTGT BK3	1.147.923.083	1.147.923.083
- Khu dân cư Hoà Bình	1.653.591.160	1.653.591.160
- Khu Đô Thị Mỹ Tho	882.034.099	882.034.099
<b>Cộng</b>	<b>3.683.548.342</b>	<b>3.683.548.342</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2017

07. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>I. Nguyên giá</b>							
1. Số dư đầu năm	30.807.949.062	1.534.170.609	15.114.986.694	2.868.088.151		50.325.194.516	
2. Số tăng trong năm	373.088.000		4.453.978.817			4.827.066.817	
- Mua trong năm	373.088.000		4.453.978.817			4.827.066.817	
- Tặng khác							
3. Số giảm trong năm		1.027.752.727	1.348.882.967	640.315.685		3.016.951.379	
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán		1.027.752.727	1.348.882.967	640.315.685		3.016.951.379	
- Giảm khác							
4. Số dư cuối năm	31.181.037.062	506.417.882	18.220.082.544	2.227.772.466		52.135.309.954	
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
1. Số dư đầu năm	4.607.624.569	1.138.476.981	4.570.254.436	1.186.491.533		11.502.847.519	
2. Khấu hao trong năm	1.059.757.939	144.600.673	2.494.238.735	445.070.843		4.143.668.190	
- Khấu hao trong năm	1.059.757.939	144.600.673	2.494.238.735	445.070.843		4.143.668.190	
3. Giảm trong năm		1.027.752.727	1.348.882.967	640.315.685		3.016.951.379	
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán		1.027.752.727	1.348.882.967	640.315.685		3.016.951.379	
4. Số dư cuối năm	5.667.382.508	255.324.927	5.715.610.204	991.246.691		12.629.564.330	
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
1. Tại ngày đầu năm	26.200.324.493	395.693.628	10.544.732.258	1.681.596.618		38.822.346.997	
2. Tại ngày cuối năm	25.513.654.554	251.092.955	12.504.472.340	1.236.525.775		39.505.745.624	

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 23.870.000.000 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.214.955.393 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

### 08 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm						
2. Số tăng trong năm		4.544.451.000	7.687.760.000			12.232.211.000
- Mua trong năm		4.544.451.000	7.687.760.000			12.232.211.000
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm		4.544.451.000	7.687.760.000			12.232.211.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm						
2. Khấu hao trong năm						
- Khấu hao trong năm						
3. Giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối năm						
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm						
2. Tại ngày cuối năm		4.544.451.000	7.687.760.000			12.232.211.000

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2017

09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	28.274.784.922					28.274.784.922
2. Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tặng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	28.274.784.922					28.274.784.922
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm						
2. Khấu hao trong năm						
- Khấu hao trong năm						
- Tặng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm						
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	28.274.784.922					28.274.784.922
2. Tại ngày cuối năm	28.274.784.922					28.274.784.922

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 11.759.577.189 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

### 10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>I. Nguyên giá BĐS đầu tư cho thuê</b>	<b>150.656.384.255</b>	<b>24.085.723.637</b>	<b>6.774.939.205</b>	<b>167.967.168.687</b>
- Quyền sử dụng đất	54.760.802.383			47.985.863.178
- Nhà	95.895.581.872	24.085.723.637	6.774.939.205	119.981.305.509
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>25.625.763.758</b>	<b>3.582.179.207</b>		<b>29.207.942.965</b>
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	25.625.763.758	3.582.179.207		29.207.942.965
<b>III. Giá trị còn lại</b>	<b>125.030.620.497</b>			<b>138.759.225.722</b>
- Quyền sử dụng đất	54.760.802.383			47.985.863.178
- Nhà	70.269.818.114			90.773.362.544

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 125.030.802.383 VND  
- Nguyên Giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng Giá: 0 VND

### 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.719.274.314	
Tiền thuê đất dự án Khách Sạn Sa Đéc (*)	54.859.487.820	
Các khoản khác	15.337.947.119	14.664.434.076
<b>Cộng</b>	<b>72.916.709.253</b>	<b>14.664.434.076</b>

**Ghi chú (\*):** Đây là chi phí tiền thuê đất trả một lần với thời hạn thuê 50 năm (05/05/2017->05/05/2067) được Công ty sử dụng cho dự án khu TMDV Nhà Hàng Khách Sạn 5 sao tại Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp với qui mô 224 phòng ngủ các loại, nhà hàng tiệc cưới, trung tâm dịch vụ... với tổng mức đầu tư 600 tỷ đồng.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

### 12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Trong kỳ				Số có khả năng trả nợ
	31/12/2017	Tăng	Giảm	Giá trị	
<b>a) Vay ngắn hạn</b>					01/01/2017
Vay ngắn hạn - VND	610.300.068.212	1.440.133.775.962	1.347.911.582.551	518.077.874.801	518.077.874.801
- Ngân hàng BIDV-KG	199.000.000.000	559.800.000.000	590.100.000.000	229.300.000.000	229.300.000.000
- Ngân hàng An Bình - CN Cần Thơ	91.012.257.762	139.002.090.832	47.989.833.070		
- Ngân hàng Việt Á - CN SG	93.746.639.337	285.115.054.757	346.695.208.540	155.326.793.120	155.326.793.120
- Ngân hàng Tiên Phong	107.670.266.903	217.146.407.037	205.378.367.115	95.902.226.981	95.902.226.981
- Ngân hàng VP Bank TP HCM		78.621.213.466	116.170.068.166	37.548.854.700	37.548.854.700
- Ngân hàng SCB - CN An Giang	17.800.000.000	17.800.000.000			
- Ngân hàng Phát Triển TP HCM	29.535.244.210	59.469.009.870	29.933.765.660		
- Đối tượng khác	71.535.660.000	83.180.000.000	11.644.340.000		
Vay ngắn hạn - USD					
<b>Cộng</b>	<b>610.300.068.212</b>	<b>1.440.133.775.962</b>	<b>1.347.911.582.551</b>	<b>518.077.874.801</b>	<b>518.077.874.801</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>					01/01/2017
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	499.895.361.225	384.817.478.000	399.515.293.133	514.593.176.358	514.593.176.358
- Ngân hàng Á Châu An Giang	38.474.514.800		146.309.000.000	184.783.514.800	184.783.514.800
- Ngân hàng TMCP Bản Việt An Giang	3.125.000.000		6.240.000.000	9.365.000.000	9.365.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

b) Vay dài hạn (tiếp theo)	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng TMCP Liên Việt An Giang	52.030.550.000	52.030.550.000		25.040.500.000	77.071.050.000	77.071.050.000
- Ngân hàng Ngoại thương An Giang	32.000.000.000	32.000.000.000	14.000.000.000	10.306.822.800	28.306.822.800	28.306.822.800
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân An Giang	19.521.000.000	19.521.000.000		3.400.000.000	22.921.000.000	22.921.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong An Giang	97.916.666.667	97.916.666.667	50.000.000.000	12.083.333.333	60.000.000.000	60.000.000.000
- Ngân hàng LD Việt Nga CN TP HCM	8.332.000.000	8.332.000.000	10.000.000.000	1.668.000.000		
- Ngân hàng Đại Chúng CN An Giang	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000			
- Đối tượng khác	208.495.629.758	208.495.629.758	270.817.478.000	194.467.637.000	132.145.788.758	132.145.788.758
Trên 5 năm	1.765.130.000	1.765.130.000		5.100.000.000	6.865.130.000	6.865.130.000
- Ngân hàng Ngoại thương An Giang	1.765.130.000	1.765.130.000		5.100.000.000	6.865.130.000	6.865.130.000
<b>Cộng</b>	<b>501.660.491.225</b>	<b>501.660.491.225</b>	<b>384.817.478.000</b>	<b>404.615.293.133</b>	<b>521.458.306.358</b>	<b>521.458.306.358</b>

**Ghi chú:** Chi tiết khoản vay dài hạn tại ngày kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay	Thời hạn vay (tháng)	Lãi suất %/Năm	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Á Châu An Giang	ANG.DN1500814	210.000.000.000	72	11,00	DA Bình Khánh	
Ngân hàng TMCP Bà Rịa An Giang	003/2013	25.000.000.000	60	10,00	DA Tri Tôn	
Ngân hàng TMCP Liên Việt An Giang	015/2015/AG	100.000.000.000	60	12,00	DA Bình Khánh	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án
Ngân hàng Ngoại thương An Giang	130/2012	75.000.000.000	120	10,00	KDC Ngọc Hầu	
Ngân hàng Ngoại thương An Giang	04/2017	14.000.000.000	96	7,40	KDC Ngọc Hầu	
Ngân hàng LD Việt Nga Tp HCM	119/2017	10.000.000.000	36	10,50	DA Cà Mau	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong An Giang	58/2016	100.000.000.000	60	10,50	DA Thanh Hoá	
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân An Giang	063/16	23.200.000.000	84	12,50	Khách sạn Bảo Giang	Quyền sử dụng đất
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng An Giang	3110-PVB	40.000.000.000	60	11,10	Thuê đất Sa Đéc	Quyền sử dụng đất

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

**c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán**

	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
Thời hạn				
Từ 1 năm trở xuống	13.184.179.607	7.845.257.257	5.338.922.350	
Trên 1 năm đến 5 năm				
Trên 5 năm				
<b>Cộng</b>	<b>13.184.179.607</b>	<b>7.845.257.257</b>	<b>5.338.922.350</b>	

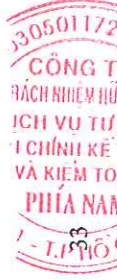
**d) Giá trị nợ thuế tài chính**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Ngắn hạn				
Gốc nợ thuế tài chính	61.477.305.695	61.477.305.695		
Lãi thuế tài chính phải trả	61.477.305.695	61.477.305.695		
Dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>61.477.305.695</b>	<b>61.477.305.695</b>		

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
+ Công Ty Cổ phần Đa Quốc Gia IDI	301.592.773.879	301.592.773.879	205.353.294.657	205.353.294.657
+ Cty TNHH ITV Toàn Cầu	2.886.891.980	2.886.891.980	2.886.891.980	2.886.891.980
+ Công ty Seatecco	25.555.652.066	25.555.652.066	3.184.181.262	3.184.181.262
+ Cty TNHH JIANGSU MUYANG HOLDINGS	20.856.647.315	20.856.647.315	29.703.496.630	29.703.496.630
+ Khách hàng khác	57.617.923.000	57.617.923.000	64.436.923.000	64.436.923.000
b) Dài hạn				
	194.675.659.518	194.675.659.518	105.141.801.785	105.141.801.785
<b>Cộng</b>	<b>301.592.773.879</b>	<b>301.592.773.879</b>	<b>205.353.294.657</b>	<b>205.353.294.657</b>

**c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Đối tượng	Mối quan hệ		01/01/2017		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
d) Phải trả người bán là các bên liên quan						
Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI	2.886.891.980	2.886.891.980	2.886.891.980	2.886.891.980	2.886.891.980	2.886.891.980
Công ty CP Du lịch Đồng Tháp	85.949.000	85.949.000	85.949.000	85.949.000	255.847.000	255.847.000

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017		Trong kỳ		31/12/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	3.296.660.589	27.299.275.608	48.728.281.701	51.434.913.290	3.824.374.505	30.005.907.197
Thuế thu nhập doanh nghiệp		41.054.005.603	19.119.893.756	25.471.635.979		34.702.263.380
Thuế thu nhập cá nhân	2.427.130.444	2.346.128.708	4.941.387.453	3.131.112.239	2.349.615.426	4.078.888.904
Thuế nhà đất, thuế đất...						
Các khoản phí, lệ phí, thuế khác	486.089.758		9.053.524	9.053.524	420.221.208	
<b>Cộng</b>	<b>6.209.880.791</b>	<b>70.699.409.919</b>	<b>72.798.616.434</b>	<b>80.046.715.032</b>	<b>6.594.211.139</b>	<b>68.787.059.481</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

### 15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a) Ngắn hạn	61.320.381.064	82.130.353.866
Tài sản thừa chờ giải quyết	5.143.773	5.143.773
Kinh phí công đoàn	34.601.162	301.120.400
Bảo hiểm xã hội	691.272.716	182.483.713
Bảo hiểm y tế	68.259.992	
Bảo hiểm thất nghiệp	50.869.352	12.173.643
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.064.198.425	1.064.198.425
Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp		23.000.000.000
Cty TNHH MTV Kiểm Định và Đầu Tư Toàn Cầu	24.000.000.000	24.000.000.000
Trần Thụy Thanh Thảo	20.006.114.149	20.003.418.200
Vũ Đức Thảo	3.004.118.969	3.004.118.969
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.395.802.526	10.557.696.743
b) Dài hạn		500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác		500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>61.320.381.064</u></b>	<b><u>82.630.353.866</u></b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

### 16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a) Ngắn hạn	49.211.783.569	40.945.675.418
Doanh thu nhận trước		
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	49.211.783.569	40.945.675.418
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		
b) Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b><u>49.211.783.569</u></b>	<b><u>40.945.675.418</u></b>

c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng: không có

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2017

17. 1. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	2.199.398.670.000	45.056.200.000	29.741.625.938	4.971.647.795	81.066.353.417	2.360.234.497.150
Tăng vốn trong kỳ trước						
Lãi trong kỳ trước					165.002.199.717	165.002.199.717
Tăng do trích lập từ lợi nhuận			5.859.618.104			5.859.618.104
Giảm vốn trong kỳ trước						
Trích quỹ từ lợi nhuận					(7.324.522.630)	(7.324.522.630)
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>2.199.398.670.000</b>	<b>45.056.200.000</b>	<b>35.601.244.042</b>	<b>4.971.647.795</b>	<b>238.744.030.504</b>	<b>2.523.771.792.341</b>
Tăng vốn trong kỳ này	219.939.860.000					219.939.860.000
Lãi trong kỳ này					182.351.679.355	182.351.679.355
Tăng do trích từ lợi nhuận			12.561.490.666			12.561.490.666
Tăng khác						
Giảm trong kỳ					(219.939.860.000)	(219.939.860.000)
Chia cổ tức					(15.701.863.332)	(15.701.863.332)
Trích lập các quỹ						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>2.419.338.530.000</b>	<b>45.056.200.000</b>	<b>48.162.734.708</b>	<b>4.971.647.795</b>	<b>185.453.986.527</b>	<b>2.702.983.099.030</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

17 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>31/12/2017</u>	%	<u>01/01/2017</u>	%
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các đối tượng khác	2.419.338.530.000	100,00%	2.199.398.670.000	100,00%
<b>Cộng</b>	<b>2.419.338.530.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.199.398.670.000</b>	<b>100,00%</b>

### 17 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	2.199.398.670.000	2.199.398.670.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	219.939.860.000	
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	2.419.338.530.000	2.199.398.670.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	219.939.860.000	

17 . 4. Cổ phiếu	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	241.933.853	219.939.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	241.933.853	219.939.867
- Cổ phiếu phổ thông	241.933.853	219.939.867
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	241.933.853	219.939.867
- Cổ phiếu phổ thông	241.933.853	219.939.867
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

17 . 5. Các quỹ của công ty:	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Quỹ đầu tư phát triển	48.162.734.708	35.601.244.042
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.971.647.795	4.971.647.795

### 17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Dollar Mỹ (USD)	200.736,43	14.529,45
- Bảng Anh (EUR)		

b) Nợ khó đòi đã xử lý



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a) Doanh thu		
Doanh thu cá xuất khẩu	85.172.414.482	312.859.716.464
Doanh thu bất động sản	462.886.068.946	488.487.076.495
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.477.149.326	36.949.885.759
Doanh thu xây dựng	97.083.409.091	271.559.790.544
Doanh thu thương mại	401.093.466.627	
Doanh thu thức ăn cá	882.154.447.440	350.570.449.480
Doanh thu khác	58.617.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.947.925.572.912</u></b>	<b><u>1.460.426.918.742</u></b>

#### b) Doanh thu đối với các bên liên quan

<u>Đối tượng</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI	Cty liên kết	293.971.839.533
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	Đầu tư dài hạn khác	46.723.200.000

#### 02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	64.148.948.744	129.708.154.836
<b>Cộng</b>	<b><u>64.148.948.744</u></b>	<b><u>129.708.154.836</u></b>

#### 03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn cá xuất khẩu	78.341.401.715	312.469.740.312
Giá vốn bất động sản	241.315.478.527	168.418.129.460
Giá vốn thuần dịch vụ	12.474.485.185	9.090.258.300
Giá vốn xây dựng	83.659.722.090	156.301.966.410
Giá vốn thương mại	401.480.857.095	
Giá vốn thức ăn cá	854.441.625.710	341.410.708.279
Giá vốn khác	63.681.847	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.671.777.252.169</u></b>	<b><u>987.690.802.761</u></b>

#### 04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.174.719.218	5.453.600.562
Cổ tức, lợi nhuận được chia	106.975.840.000	780.459.264
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.282.801	31.362.078
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	6.064.209.736	1.767.100.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.277.424	1
<b>Cộng</b>	<b><u>159.235.329.179</u></b>	<b><u>8.03</u></b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

### 05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	59.883.644.074	42.106.794.983
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.598.787.586	1.319.904.742
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	11.293.438.566	2.547.249.056
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	15.280.135	607.342.388
Chi phí tài chính khác	75.791.150.361	46.581.291.169
<b>Cộng</b>		

### 06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

#### 06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	18.608.395.300	22.347.421.896
Các khoản chi phí bán hàng khác	8.499.010.642	3.319.501.681
<b>Cộng</b>	<b>27.107.405.942</b>	<b>25.666.923.577</b>

#### 06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nguyên, vật liệu	55.998.348	286.240.531
Chi phí công cụ, dụng cụ	9.642.080.641	4.733.252.937
Chi phí nhân viên	27.766.995.647	27.680.131.797
Chi phí khấu hao	4.006.897.830	3.854.144.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.406.862.173	16.324.964.722
Thuế, phí, lệ phí	21.639.000	120.480.501
Các khoản chi phí QLDN khác	12.236.924.484	8.873.080.539
<b>Cộng</b>	<b>71.137.398.123</b>	<b>61.872.295.716</b>

### 07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản	225.234.909	318.181.818
Tiền phạt thu được	3.844.852.009	2.862.872.800
Các khoản khác	294.982.192	7.619.369
<b>Cộng</b>	<b>4.365.069.110</b>	<b>3.188.673.987</b>

### 08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	26.060.500	3.371.827.384
Các khoản khác	273.818.230	1.417.721.874
<b>Cộng</b>	<b>299.878.730</b>	<b>4.789.549.258</b>

### 09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	392.575.799.038	263.979.463.500
Chi phí nhân công	65.875.280.294	66.703.663.382
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.725.847.397	6.236.231.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.062.004.017	62.715.744.027
Chi phí khác bằng tiền	13.105.468.732	11.674.349.704
<b>Cộng</b>	<b>590.344.399.478</b>	<b>411.309.451.819</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

### 10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	18.912.257.777	50.338.250.425
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>18.912.257.777</b>	<b>50.338.250.425</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

#### 3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm nay
1.824.951.253.962

#### 4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

Năm nay
1.752.526.875.684

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

#### 02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

#### 03. Thông tin về các bên liên quan

##### a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

##### - Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	5.033.268.000	4.841.773.333
Trong đó: Tiền lương	4.337.268.000	4.183.920.333

##### b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty TNHH Dững Thịnh Phát	Công ty con
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Công ty con
+ Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc	Công ty con
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	Công ty con
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Công ty con

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

+ Công ty CP Nhựt Hồng	Công ty con
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Công ty con
+ Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	Công ty con
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	Công ty liên doanh liên kết
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	Đầu tư dài hạn khác
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	Đầu tư dài hạn khác

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	Bán thức ăn cá	117.304.916.860
	Tổng thầu Xây dựng nhà máy thức ăn	63.055.120.000
	Mua Cá Tra fillet	78.349.106.600
	Chuyển nhượng QSDĐ	38.244.448.000
	Phải trả tiền chi hộ phí & tiền hoa hồng	2.076.566.640
	Chi hộ phí ủy thác xuất khẩu	816.200.000
	Mua cá rô phi	240.800.000
	Phải trả tiền chi hộ cước vận chuyển	1.015.656.511
	Phải thu tiền ủy thác nhập khẩu	85.434.799.519
	Phải thu tiền bán tài sản	45.865.000.000
	Phải trả tiền chi hộ bảo hiểm	483.764.500
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	Xuất bán bột cá	459.469.813.190
	Xuất bán mỡ cá	46.723.200.000
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Lãi vay	1.388.781.000
	Tiếp khách + Vé máy bay	1.617.564.018
	Thiết bị khách sạn Bảo Giang	2.400.000.000
	Cho vay	15.355.660.000
+ Công ty CP ĐT TC & Truyền Thông Quốc Tế	Mượn tiền tạm	1.002.000.000
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	Tiền nền bến xe Châu Đốc	11.502.720.000
	Cho mượn vốn + bảo hiểm	6.446.502.000
	Tiền thuê 02 căn hộ Hà Nội	553.624.256
	Thiết kế công trình	520.844.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	Tiền chuyển nhượng QSDĐ	12.907.982.000
	Tiền Ủy thác nhập khẩu 36 Silo Nhà máy thức ăn cho cá	75.344.499.519
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	Bán mỡ cá	9.980.000
	Tiền chi hộ bảo hiểm	86.528.185
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	Cho mượn vốn + bảo hiểm	5.932.877.744
	Bán đất nền	5.379.136.000
+ Công ty Phú Hùng Phú Quốc	Chi mượn vốn	103.611.900
	Tiền thi công KDL Phú Quốc	7.448.700.000
+ Công ty CP Truyền Thông Quốc Tế	Chi mượn vốn	1.002.000.000
+ Công ty Sao Mai Super Feed	Chi mượn vốn	133.501.600
Bên liên quan ( tiếp theo)	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải trả (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	Tiền bán thức ăn cho cá	77.319.525.210
	Ứng trước tiền tổng thầu - Nhà máy thức ăn	409.080.026.412
	Mua cá thành phẩm	5.171.301.216
	Tiền nguyên liệu thức ăn	2.886.891.980
	Bảo hiểm phải trả	483.764.500
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	Thiết kế công trình	520.844.000
+ Công ty Du Lịch An Giang	Tiền vé máy bay + tiếp khách	134.986.000
	Tiền bảo hiểm	2.381.125
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Tiền vay	15.355.660.000
	Lãi tiền vay	85.949.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**Năm 2017**

Đơn vị tính: VND

**04 . Thông tin bộ phận**

**a. Khu vực địa lý**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

	<u>Năm nay</u>	<u>An Giang</u>	<u>Đồng Tháp</u>	<u>Địa bàn khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		1.481.803.979.056	240.353.006.503	161.619.638.609	1.883.776.624.168
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận					-
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>1.481.803.979.056</b>	<b>240.353.006.503</b>	<b>161.619.638.609</b>	<b>1.883.776.624.168</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận		90.526.522.306	40.856.974.148	80.615.875.545	211.999.371.999
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(98.244.804.065)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>113.754.567.934</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					159.235.329.179
Chi phí tài chính					(75.791.150.361)
Thu nhập khác					4.365.069.110
Chi phí khác					(299.878.730)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(18.912.257.777)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>					<b>182.351.679.355</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					60.120.766.817
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					7.725.847.397



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**Năm 2017**

Đơn vị tính: VND

	Năm trước		31/12/2017	
	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	386.749.059.338	852.442.655.636	91.527.048.932	1.330.718.763.906
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận				-
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>386.749.059.338</b>	<b>852.442.655.636</b>	<b>91.527.048.932</b>	<b>1.330.718.763.906</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	213.194.398.411	42.836.511.790	86.997.050.944	343.027.961.145
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(87.539.219.293)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>				<b>255.488.741.852</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				8.033.874.730
Chi phí tài chính				(46.581.291.169)
Thu nhập khác				3.188.673.987
Chi phí khác				(4.789.549.258)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(50.338.250.425)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNND</b>				<b>165.002.199.717</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>39.457.007.553</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>26.827.124.852</b>
- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý				
	<b>An Giang</b>	<b>Đồng Tháp</b>	<b>Địa bàn khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tài sản bộ phận	2.942.156.997.375	593.002.979.288	1.708.165.139.319	5.243.325.115.982
Tài sản không phân bổ				
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.942.156.997.375</b>	<b>593.002.979.288</b>	<b>1.708.165.139.319</b>	<b>5.243.325.115.982</b>
Nợ phải trả bộ phận	654.967.726.310	717.040.412.175	211.251.496.666	1.583.259.635.151
Nợ phải trả không phân bổ				
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>654.967.726.310</b>	<b>717.040.412.175</b>	<b>211.251.496.666</b>	<b>957.082.381.801</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
*Năm 2017*

*Đơn vị tính: VND*

	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	3.271.153.094.170	331.479.749.236	1.044.517.851.787	4.647.150.695.193
Tài sản không phân bổ				
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.271.153.094.170</b>	<b>331.479.749.236</b>	<b>1.044.517.851.787</b>	<b>4.647.150.695.193</b>
Nợ phải trả bộ phận	617.086.977.513	510.420.916.176	53.563.912.790	1.181.071.806.479
Nợ phải trả không phân bổ				942.307.096.373
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>617.086.977.513</b>	<b>510.420.916.176</b>	<b>53.563.912.790</b>	<b>2.123.378.902.852</b>

**b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

Chỉ tiêu	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Doanh thu khác	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	398.737.120.202	97.083.409.091	401.093.466.627	986.862.628.248	1.883.776.624.168
Tài sản bộ phận	3.169.545.005.264	249.240.233.693	739.571.136.300	1.084.968.740.725	5.243.325.115.982
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					60.120.766.817
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	359.752.720.447	271.559.790.544	311.885.917.676	387.520.335.239	1.330.718.763.906
Tài sản bộ phận	3.088.069.421.384	269.537.878.254	826.213.373.885	463.330.021.670	4.647.150.695.193
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					39.457.007.553

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**Năm 2017**

**05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	236.882.662.193		236.882.662.193	205.094.795.946
Phải thu khách hàng	441.598.118.426		441.598.118.426	351.568.648.030
Trả trước cho người bán	1.061.739.969.077		1.061.739.969.077	840.897.111.408
Các khoản phải thu khác	274.727.776.592		274.727.776.592	149.322.889.330
Đầu tư tài chính ngắn hạn	249.039.724.107		249.039.724.107	372.139.724.107
Đầu tư tài chính dài hạn	1.478.068.869.800	(18.734.635.169)	1.298.849.179.800	1.459.334.234.631
<b>Cộng</b>	<b>3.742.057.120.195</b>	<b>(18.734.635.169)</b>	<b>3.217.872.348.621</b>	<b>3.723.322.485.026</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	301.592.773.879		301.592.773.879	205.353.294.657
Người mua trả tiền trước	870.355.659.738		870.355.659.738	672.265.922.110
Vay và nợ	1.173.437.865.132		1.173.437.865.132	1.039.536.181.159
Các khoản phải trả khác	61.320.381.064		61.320.381.064	82.630.353.866
<b>Cộng</b>	<b>2.407.722.226.413</b>	-	<b>2.407.722.226.413</b>	<b>2.000.058.242.692</b>
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.				

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
*Năm 2017*

Đơn vị tính: VND

**06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**  
**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- *Phải thu khách hàng*

Công ty giám thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại thúc tại ngày 31/12/2017	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	301.592.773.879			301.592.773.879
Người mua trả tiền trước	870.355.659.738			870.355.659.738
Vay và nợ	671.777.373.907	501.660.491.225		1.173.437.865.132
Các khoản phải trả phải nộp khác	61.320.381.064			61.320.381.064
<b>Cộng</b>	<b>1.905.046.188.588</b>	<b>501.660.491.225</b>		<b>2.406.706.679.813</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chi tiêu	31/12/2017	01/01/2017
Tiền và các khoản tương đương tiền	200.736	14.529
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác		
Phải trả cho người bán		
Vay và nợ thuê tài chính		
Các khoản phải trả khác		
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>200.736</b>	<b>14.529</b>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	31/12/2017	01/01/2017
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	90.993.824	6.471.417
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	(90.993.824)	(6.471.417)

#### - Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
Hàng tồn kho	397.082.036.261	276.207.467.811
Tài sản cố định hữu hình	23.870.000.000	57.305.000.000
Quyền sử dụng đất	69.658.920.220	11.759.577.189
Cổ phiếu	174.000.000.000	174.000.000.000

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác kết thúc tại ngày 31/12/2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Long Xuyên, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ TỐ NGÂN

TRƯƠNG CÔNG KHÁNH



LÊ THỊ PHƯƠNG